TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1687 /2017/HNGĐ - ST.
Ngày: 21-12-2017
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thanh Hồng.

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư, Cán bộ Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1173/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị An T, sinh năm: 1970 ; Địa chỉ: đường N, Phường M, quận G, Tp. HCM, (*Có mặt)*.

Bị đơn: Ông Vũ Ngọc H, sinh năm: 1969 ; Địa chỉ : đường N, Phường M, quận G, Tp. HCM; *(Có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị An T trình bày: Bà và ông H tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2000. Quá trình sống chung thường xảy ra mâu thuẫn do ông H không quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình về tinh thần cũng như vật chất, không quan tâm giáo dục con cái. Hai người không tìm được tiếng nói chung, mặc dù sống chung nhà nhưng không ai nói tới ai và đã ly thân nhau 07 năm nay. Nay, bà nộp đơn xin ly hôn với ông H. Về con chung: có một con chung tên Vũ Ngọc Kim N, sinh ngày 27/9/2005. Bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tới tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông H cấp

dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt theo đúng quy định của pháp luật triệu tập ông H đến Tòa để làm việc, dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt nên không ghi được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà T trình bày sau khi kết hôn ba năm hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, khi bé N con chung của ông bà còn nhỏ ông H nói là không phải con ông nhưng bà vẫn chịu đựng đến khi ông bà ra ở riêng thì không ai quan tâm đến ai. Ông H ít nói, tính tình cọc cằn thô lỗ hay chửi bới dằn vặt về tinh thần. Ông H cũng không quan tâm con cái một mình bà chăm lo đưa đón con đi học và đã ly thân từ 7 năm nay. Thời gian kéo dài bà không còn tình cảm nên không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình với ông H được. Vì vậy, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H. Con chung bà xin được nuôi dưỡng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận. Nợ chung không có

Ông H trình bày: Ông và bà T có đăng ký kết hôn và có một con chung như bà T trình bày. Ông thừa nhận giữa ông và bà T có bất đồng quan điểm sống vì tính bà T hay đi kể với đồng nghiệp và bên ngoại về chuyện gia đình. Từ đó ông không muốn tâm sự với bà mà chỉ việc lo làm ăn. Ông bà sống chung một nhà nhưng ít tâm sự và ly thân 7 năm nay. Ông và bà T cũng bất đồng về cách nuôi dạy con cái nên ông để bà T chăm lo theo cách của bà T và bên ngoại chứ không phải ông không quan tâm. Theo ông biết bà T muốn ly hôn là để đi nước ngoài nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Nếu ly hôn ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc Kim N, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận. Nợ chung không có

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 và quy định về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Bà Nguyễn Thị An T tự nguyện kết hôn với ông Vũ Ngọc H năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận C, Thành phố Hồ chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 111/2000 quyển số 01. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được luật hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh. Nay, bà Nguyễn Thị An T có yêu cầu ly hôn với ông Vũ Ngọc H, xét yêu cầu của

nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà T cho thấy trong quá trình sống chung giữa bà và ông H cuộc sống chung không có hạnh phúc, mặc dù sống chung nhà nhưng hai bên không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Kết quả là hai bên ly thân từ năm 2010 đến nay cho thấy hôn nhân đã hoàn toàn đổ vỡ, hạnh phúc không thể hàn gắn.

Ông H cũng thừa nhận hai bên có mâu thuẫn và mong muốn đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không đưa ra giải pháp hàn gắng suốt một thời gian dài dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Ông cũng không đến Tòa án để hòa giải chứng tỏ ông cũng không còn quan tâm đến cuộc sống chung, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ gắn bó lẫn nhau. Từ những phân tích nêu trên cho thấy cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà T được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Bà T và ông H có một con chung tên Vũ Ngọc Kim N, sinh ngày 27/9/2005, bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N là con gái hiện đang được bà T chăm sóc, đưa đón đi học và cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Vũ Ngọc Kim N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết và nợ chung hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án để giải quyết.

[5]Về án phí: Nguyên đơn, bà T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị An T.

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị An T được ly hôn với ông Vũ Ngọc H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 111/2000 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường H, Quận C cấp cho ông Vũ Ngọc H và bà Nguyễn Thị An T không còn hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Vũ Ngọc Kim N, sinh ngày 27/9/2005 cho đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà T không có yêu cầu.

Ông H có quyền thăm nom con, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con; Yêu cầu hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0027362 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân phường H;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Bảo Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Bảo Thu

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do - hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 03/9/2014

Tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu

- Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà

2/ Ông

Đã nghị án về vụ kiện tranh chấp: Ly hôn

Thụ lý số: 880/2013/TLST- HNGĐ ngày 01/10/2013.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, nghe đương sự trình bày - tranh luận- và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thảo luận và thống nhất, biểu quyết 3/3 những vấn đề sau đây:

- Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 131, Điều 199, Điều 202, Điều 238, Điều 243, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 89, 91, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim Hồng

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Huỳnh Thị Kim Hồng được ly hôn với ông Trần Hồng Ngự.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Kim Bảo – sinh ngày 18/7/2004 cho bà Huỳnh Thị Kim Hồng trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Ngự có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồng khai không có nên không xét

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồng chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là

200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số: AA/2011/06995 ngày 01/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp – Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồng đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Hồng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Ngự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được niêm yết, tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày, các thành viên trong Hội đồng xét xử đọc lại thuận đúng và ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**